

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên dự toán: Mua sắm thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam năm 2027

Chủ đầu tư: Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam

Phát hành ngày: Ngày tháng năm 2026

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Hùng Sơn

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam
2. Chủ đầu tư mời nhà thầu tham gia chào hàng (nộp báo giá) để tham khảo cấu hình, giá dự toán; trình hồ sơ dự toán NSNN về mua sắm, sửa chữa, tài sản, trang thiết bị; từ nguồn chi thường xuyên ngân sách thành phố năm 2027. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của Bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Mục 2: Tư cách hợp lệ của nhà thầu (khi tham dự đấu thầu)

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia dự thầu gói thầu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập;
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

Mục 3. Giá báo giá và biểu giá

Nhà thầu ghi đơn giá báo giá cho tất cả các công việc theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào biểu mẫu trong Chương II.

Trường hợp giá theo hạng mục mà nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục này vào các hạng mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với giá đã chào.

Giá báo giá là giá do nhà thầu chào trong bảng báo giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá báo giá để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá báo giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ không hợp lệ.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) theo mẫu số 01 Chương II;
2. Tài liệu kỹ thuật của hàng hoá:

- Catalogue hoặc Tài liệu kỹ thuật gốc của hãng sản xuất để đối chiếu tính năng.

Đối với tài liệu bằng tiếng Anh, Nhà cung cấp vui lòng gửi kèm bản tóm tắt dịch nghĩa các thông số kỹ thuật cốt lõi sang tiếng Việt (có ký tên, đóng dấu xác nhận của văn phòng đại diện hoặc nhà phân phối). Nhà cung cấp chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực của bản dịch này.

- Giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu của trang thiết bị y tế còn hiệu lực (Bản chụp)

- Bản phân loại trang thiết bị y tế (Phân loại A, B, C, D) do cơ quan có thẩm quyền cấp (Bản chụp)

- Giấy ủy quyền bán hàng hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác của hãng sản xuất/nhà phân phối độc quyền tại Việt Nam (nếu có)

Các báo giá không cung cấp đủ các tài liệu trên sẽ được coi là không đủ cơ sở pháp lý và không được sử dụng để xây dựng giá gói thầu.

Mục 5: Hiệu lực của báo giá; Nộp, tiếp nhận và đánh giá báo giá :

1. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 360 ngày, kể từ ngày 18/8/2026.

2. Nhà thầu phải nộp hồ sơ chào giá bản giấy có ký tên, đóng dấu trực tiếp hoặc qua bưu điện về địa chỉ sau đây: Khoa Dược - VT - TTBYT, Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam - số 46 đường Lý Thường Kiệt, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng không muộn hơn 8h00 ngày 18/8/2026. Các báo giá được gửi đến chủ đầu tư sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

3. Người liên hệ: Ks. Phan Thanh Tùng Điện thoại: 0834.243000

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu.

5. Chủ đầu tư so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, chủ đầu tư có thể lấy giá cao nhất để làm giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu trên.

6. Sau thời điểm hết hạn nộp báo giá, nhà thầu phải gửi bảng scan báo giá + file mềm báo giá về địa chỉ mail: bvpsn.duoc@gmail.com.

CHƯƠNG II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Phạm vi, yêu cầu của gói thầu:

Bảng số 1: Phạm vi và yêu cầu gói thầu:

Nhà thầu phải thực hiện gói thầu theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

ST T	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đvt	Thông số kỹ thuật cơ bản/ mục đích sử dụng	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1	Hệ thống CT Scanner 128 lát cắt/vòng quay	1	Hệ thống	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính ≥ 128 lát cắt xoắn ốc hoàn chỉnh, đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn	Nam Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam	Mới 100%, năm sản xuất: 2026 về sau. <i>Đáp ứng quy định về quản lý thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP và Nghị định 07/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung.</i> Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với đơn vị vận hành phần mềm để cấu hình, kết nối hoàn chỉnh thiết bị vào hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) và bệnh án điện tử (EMR) của bệnh viện trước khi nghiệm thu thiết bị.
2	Máy X Quang tuyến vú	1	Máy	Chức năng chụp 3D Phần mềm sinh thiết tự động 3D tích hợp chức năng chụp mẫu sinh thiết		
3	Máy xét nghiệm đông máu tự động	1	Máy	Máy xét nghiệm thực hiện đo các chỉ số đông máu một cách hoàn toàn tự động.		
4	Máy siêu âm chuyên tim mạch	1	Máy	Đầu dò Convex : 01 cái, Đầu dò Linear : 01 cái, Đầu dò Tim : 01 cái, Đầu dò Tim nhi: 01 cái.		
5	Máy gây mê (treo trần)	1	Máy	Sử dụng được cho bệnh nhân người lớn, trẻ em và sơ sinh		
6	Máy CPAP	10	Cái	Sử dụng được cho bệnh nhân trẻ em và sơ sinh		

7	Máy hấp tiệt trùng	1	Cái	Hấp tiệt trùng nhiệt độ cao ≥ 700 lít; 2 cửa
8	Máy sấy	1	Cái	Công suất sấy: ≥ 60 kg
9	Bộ dụng cụ mổ lấy thai	4	Bộ	Phụ lục kèm theo
10	Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa	2	Bộ	Phụ lục kèm theo
11	Bộ dụng cụ cắt tử cung	2	Bộ	Phụ lục kèm theo
12	Máy đo huyết động không xâm lấn	1	Cái	
13	Lồng ấp sơ sinh (vận chuyển bệnh nhân)	2	Cái	
14	Máy hút dịch phẫu thuật di động	2	Cái	Áp lực hút tối đa: ≤ -90 kPa
15	Máy điện tim	2	Máy	Là máy điện tim 6 kênh, ghi đạo trình: Tối thiểu 12 đạo trình tiêu chuẩn đồng thời.
16	Máy phá rung tim	2	Cái	Thiết kế cơ động: Gọn nhẹ, có tay cầm hoặc túi xách chuyên dụng phù hợp cho việc di chuyển cấp cứu cơ động. Tiêu chuẩn chất lượng: Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485; thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn an toàn điện y tế IEC 60601-1 và tiêu chuẩn phá rung IEC 60601-2-4 (hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương).

Mới 100%, năm sản xuất: 2026 về sau.
Đáp ứng quy định về quản lý thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP và Nghị định 07/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung.

Mới 100%, năm sản xuất: 2026 về sau.
Đáp ứng quy định về quản lý thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP và Nghị định 07/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung.
 Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với đơn vị vận hành phần mềm để cấu hình, kết nối hoàn chỉnh thiết bị vào hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) và bệnh án điện tử (EMR) của bệnh viện trước khi nghiệm thu thiết bị.

17	Ghế nha	1	Cái	2 dây tay khoan nhanh 1 dây tay khoan chậm 2 tay xịt 1 hút nước bọt 1 hút phẩu thuật 1 cần tự hút 1 ghế bệnh nhân 1 ghế nha sĩ 1 đèn nha khoa 1 bộ tay khoan	Mới 100%, năm sản xuất: 2026 về sau. <i>Đáp ứng quy định về quản lý thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP và Nghị định 07/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung.</i>
18	Bơm tiêm điện	10	Cái		
19	Máy truyền dịch	10	Máy		
20	Giường sưởi sơ sinh	5	Cái		
21	Đèn chiếu vàng da	5	Cái		
22	Máy Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương	1	Máy	Phù hợp với quy trình kỹ thuật hỗ trợ điều trị vết thương được Bộ Y tế ban hành. Được chứng nhận kết quả nghiên cứu lâm sàng Bộ y tế.	

Phụ lục 8,9,10

8. Bộ dụng cụ mổ lấy thai:

Bộ DC mổ lấy thai		ĐVT	SL
1	Cán dao mô, số 4, loại tiêu chuẩn, dài 135 mm	Cái	1
2	Kẹp gấp bông 6gang Forster-Ballenger, thẳng, ngàm có khóa, dài 180 mm	Cái	1
3	Kẹp gấp bông 6gang Forster-Ballenger, thẳng, ngàm có khóa, dài 250 mm	Cái	10
4	Kẹp 6gang Backhaus, dài 130 mm	Cái	6
5	Nhíp mô, loại chuẩn, thẳng, hàm có 6gang (1x2), dài 180 mm	Cái	1
6	Nhíp mô Lane, thẳng, ngàm có 6gang (1x2), dài 145 mm	Cái	1
7	Kẹp phẩu tích PEAN, cong, đầu tù, dài 160 mm	Cái	1

8	Kẹp phẫu tích PEAN, cong, đầu tù, dài 180 mm	Cái	1
9	Kẹp Crile-Rankin, mảnh, cong, dài 160 mm	Cái	5
10	Kẹp mạch máu Kelly-Rankin, mảnh, cong, dài 160 mm	Cái	5
11	Kẹp bông 7ang Gross-Maier, thẳng, ngàm có khía, khớp hộp, có khóa cài, dài 270 mm	Cái	1
12	Kẹp cầm máu Ochsner-Kocher, cong, ngàm có 7ang (1x2), dài 200 mm	Cái	2
13	Kẹp phẫu tích mô Allis, thẳng, ngàm có 7ang (5x6), dài 190 mm	Cái	2
14	Kéo cắt dây rốn MOD. USA, thẳng, mũi tù/tù, dài 100 mm	Cái	1
15	Kéo phẫu tích Mayo, thẳng, lưỡi vát, hai đầu tù, dài 150 mm	Cái	1
16	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, hai đầu tù, dài 170 mm	Cái	1
17	Kéo Metzenbaum, cong, hai đầu tù, dài 200 mm	Cái	1
18	Kìm mang kim Mayo-Hegar, thẳng, cán vàng, dài 200 mm, dùng cho chỉ 0.6-4.0	Cái	1
19	Kìm mang kim Mayo-Hegar, loại khỏe, thẳng, bước 7ang 0,5mm, cán vàng, dài 180 mm, dùng cho chỉ 0.6-4.0	Cái	1
20	Banh vết thương Collin-Hartmann, hai đầu, dài 160 mm	Cái	2
21	Banh bụng Doyen, dài 280 mm, kích thước lưỡi 55 x 85 mm	Cái	2
22	Kẹp tổ chức Collin, thẳng, ngàm hình trái oval, có khía, khuyết, khớp vít, dạng có khóa cài, dài 170 mm	Cái	2
23	Hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật asipco®, loại 3/4, kích thước 464 x 279 x 131 mm, gồm nắp và đáy, đĩa lọc vi khuẩn và khung cài nhãn nhận biết màu xám Nắp hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật asipco®, loại chuẩn, cỡ 3/4, kích thước 459 x 279 x 26 mm Đáy hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật asipco®, loại 3/4, loại không có lỗ khí kích thước 464 x 279 x 120 mm Đĩa lọc vi khuẩn, chất liệu PPSU, màu cam, đường kính Ø 154 mm Khung cài nhãn nhận biết asipco®, màu xám	Cái	1

24	Khay lưới đựng dụng cụ phẫu thuật, chất liệu thép không gỉ, kích thước 405 x 253 x 75 mm, loại có chân đế	Cái	1
----	---	-----	---

9. Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa

Bộ DC khám sản phụ khoa		ĐVT	SL
1	Kéo phẫu tích Mayo, cong, lưỡi vát, hai đầu tù, dài 170 mm	Cái	1
2	Nhíp phẫu tích, mũi hẹp, thẳng, trung bình, ngàm răng cưa, dài 180 mm	Cái	1
3	Nhíp phẫu tích mô, loại chuẩn, thẳng, hàm có răng (1x2), dài 200 mm	Cái	1
4	Kẹp gấp bông băng Forster-Ballenger, thẳng, ngàm tròn, có lỗ, khóa hộp, kèm lẫy, dài 250 mm	Cái	1
5	Kẹp gấp bông băng Forster-Ballenger, thẳng, oval, ngàm răng cưa, có lỗ, khóa hộp, kèm lẫy, dài 250 mm	Cái	6
6	Kẹp săng Backhaus, cong, nhọn, dài 110 mm	Cái	4
7	Kẹp mạch máu PEAN, thẳng, đầu tù, dài 180 mm	Cái	2
8	Kẹp mang kim Mayo-Hegar, ngàm phủ Tungsten carbide, cán vàng, thẳng, bước răng 0,5 mm, dài 160 mm, dùng cho chỉ 0.6-4.0	Cái	1
9	Banh âm đạo Pederson, kích thước 120 x 25 mm	Cái	1
10	Banh âm đạo Grave, kích thước 95 x 35 mm	Cái	1
11	Banh âm đạo Grave, kích thước 115 x 35 mm	Cái	1
12	Banh âm đạo Sims, hai đầu, loại số 3, kích thước 85 x 35 mm/ 90 x 40 mm	Cái	1
13	Lưỡi banh âm đạo Kristeller, lưỡi dưới, kích thước 110 x 30 mm, dài 215 mm	Cái	1
14	Lưỡi banh âm đạo Kristeller, lưỡi trên, kích thước 115 x 26 mm, dài 220 mm	Cái	1
15	Banh âm đạo Auvar, kích thước 80 x 38 mm, đi kèm quả cân có thể tháo rời	Cái	1
16	Bộ 8 que nong cổ tử cung Hegar, hình chữ S, cỡ từ 3/4 - 17/18 mm, trong cuộn vải, dài 200 mm	Bộ	1

17	Banh cổ tử cung Kogan, dạng có khóa cài và thước đo, có vít điều chỉnh, kích thước 6 x 20 mm, dài 240 mm	Cái	1
18	Que thăm cổ tử cung Martin, cong, dài 300 mm, thân có chia vạch đo, đường kính 3 mm	Cái	1
19	Kẹp phẫu tích tử cung Bozemann-Douglas, cong hình chữ S, dài 260 mm	Cái	1
20	Kẹp dây nóc tử cung Pozzi, thẳng, dài 180 mm	Cái	1
21	Kẹp dây nóc tử cung Pozzi, loại khỏe, dài 255 mm	Cái	1
22	Kẹp tổ chức Bonney, thẳng, dài 240 mm	Cái	1
23	Kẹp sinh thiết Eppendorf, thẳng, dài 200 mm	Cái	1
24	Dụng cụ nạo tử cung Gourdet, đầu tù, dài 280 mm, đầu rộng 6 mm	Cái	1
25	Dụng cụ nạo tử cung Bumm, số 0, đầu tù, có thể uốn được, dài 290 mm, đầu rộng 16 mm	Cái	1
26	Cốc tròn đựng bệnh phẩm, kích thước 110 x 55 x 72 mm, dung tích 0.4 lít	Cái	1
27	Khay hình quả thận, kích thước 250 x 140 x 40 mm, dung tích 0.85 lít	Cái	1
28	Hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật asipco®, loại 1/2, kích thước 297 x 279 x 131 mm, gồm nắp và đáy, đĩa lọc vi khuẩn và khung cài nhãn nhận biết màu xám Nắp hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật asipco®, cỡ 1/2, kích thước 292 x 279 x 26 mm Đáy hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật asipco®, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/2, kích thước 297 x 279 x 120 mm Đĩa lọc vi khuẩn, chất liệu PPSU, màu cam, đường kính Ø 154 mm Khung cài nhãn nhận biết asipco®, màu xám	Cái	1
29	Khay lưới đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, chất liệu thép không gỉ, cỡ 1/2, kích thước 244 x 253 x 75 mm, loại có chân đế 5 mm	Cái	1

10. Bộ dụng cụ cắt tử cung

Bộ DC cắt tử cung		ĐVT	SL
1	Cán dao mổ số 3, loại tiêu chuẩn, dài 120 mm	Cái	1
2	Cán dao mổ số 3 L, dài 210 mm	Cái	1

3	Cán dao mổ số 4, loại tiêu chuẩn, dài 135 mm	Cái	1
4	Kéo phẫu thuật, loại tiêu chuẩn, số 1, thẳng, hai đầu tù, dài 150 mm	Cái	1
5	Kéo phẫu thuật, loại tiêu chuẩn, số 2, thẳng, hai đầu tù/nhọn, dài 150 mm	Cái	1
6	Kéo Nelson-Metzenbaum, cong, hai đầu tù, dài 230 mm	Cái	1
7	Kéo phẫu thuật, loại tiêu chuẩn, số 1, thẳng, hai đầu tù, dài 180 mm	Cái	1
8	Kéo phẫu thuật Cooper, loại tiêu chuẩn, số 1, cong, hai đầu tù, dài 170 mm	Cái	1
9	Kéo phẫu thuật Mayo, thẳng, lưỡi vát, hai đầu tù, dài 190 mm	Cái	1
10	Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, hai đầu tù, dài 180 mm	Cái	1
11	Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, hai đầu tù, dài 200 mm	Cái	1
12	Nhíp mô, loại chuẩn, thẳng, hàm có răng (1x2), dài 145 mm	Cái	2
13	Nhíp mô, loại chuẩn, thẳng, hàm có răng (1x2), dài 200 mm	Cái	2
14	Ống hút Yankauer, dài 280 mm, đường kính ống Ø 2 mm, đường kính ngoài Ø 10 mm, dùng cho đường kính 7-9mm	Cái	1
15	Kẹp mang kim Mayo-Hegar, kiểu mảnh, cỡ vừa, thẳng, ngàm răng cửa có rãnh dọc, dài 200 mm	Cái	1
16	Kìm mang kim Mayo-Hegar, kiểu mảnh, cỡ vừa, thẳng, ngàm răng cửa có rãnh dọc, dài 240 mm	Cái	1
17	Kẹp mang kim Crile-Wood, cán vàng, dài 150 mm, kiểu khỏe, thẳng, dùng cho chỉ 4.0-6.0	Cái	1
18	Kẹp phẫu tích Hastled-Mosquito, thẳng, mảnh, dài 125 mm	Cái	10
19	Kẹp phẫu tích Hastled-Mosquito, cong, mảnh, dài 125 mm	Cái	10
20	Kẹp Crile-Rankin, mảnh, thẳng, dài 160 mm	Cái	4
21	Kẹp Crile-Rankin, mảnh, cong, dài 160 mm	Cái	4
22	Kẹp mạch máu PEAN, thẳng, đầu tù, dài 260 mm	Cái	2
23	Kẹp sãng Backhaus, dài 130 mm	Cái	8

24	Kẹp gấp bông bằng Forster-Ballenger, thẳng, ngàm tron, dài 250 mm	Cái	4
25	Đè bụng/ruột Ribbon, có thể uốn được, dài 330 mm, lưỡi rộng 30 mm	Cái	2
26	Banh âm đạo Doyen, kích thước 90 x 45 mm, dài 240mm	Cái	2
27	Bộ banh bụng Balfour bản USA, sâu 200mm, rộng 250mm, độ banh rộng 250mm, với 2 lưỡi 2 bên có thể thay đổi 60 mm/ 80 mm, lưỡi chính giữa kích thước 45 x 80 mm	Bộ	1
28	Kẹp ruột Boy-Allis, ngàm có răng (5x6), dài 150 mm	Cái	6
29	Nhíp mô, loại chuẩn, thẳng, hàm có răng (1x2), dài 160 mm	Cái	2
30	Kẹp phẫu tích tử cung Duplay, cong hình chữ S, dài 280 mm	Cái	1
31	Kẹp phẫu tích tử cung Museux, cong về bên, ngàm có răng (2x2), rộng 6 mm, khớp vít, dài 240 mm	Cái	2
32	Kẹp phẫu tích tử cung Museux, cong về bên, ngàm có răng (2x2), rộng 6 mm, khớp vít, dài 240 mm	Cái	2
33	Kẹp tử cung Heaney Modif, cong, ngàm có răng, có rãnh, dài 210 mm	Cái	4
34	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 2 mm	Cái	1
35	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 3 mm	Cái	1
36	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 4 mm	Cái	1
37	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 5 mm	Cái	1
38	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 6 mm	Cái	1
39	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 7 mm	Cái	1
40	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 8 mm	Cái	1
41	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 9 mm	Cái	1

42	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 10 mm	Cái	1
43	Que nong cổ tử cung Hegar, đầu hình chóp rất nhọn, dài 185 mm, đường kính Ø 11 mm	Cái	1
44	Hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật asipco®, loại 1/1, kích thước 587 x 279 x 131 mm, gồm nắp và đáy, đĩa lọc vi khuẩn và khung cài nhãn nhận biết màu xám Nắp hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật asipco®, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước 582 x 279 x 26 mm Đáy hộp hấp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật asipco®, loại 1/1, loại không có lỗ thoát khí kích thước 587 x 279 x 90 mm Đĩa lọc vi khuẩn, chất liệu PPSU, màu cam, đường kính Ø 154 mm Khung cài nhãn nhận biết asipco®, màu xám	Bộ	1
45	Khay lưới đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, chất liệu thép không gỉ, cỡ 1/1, không có nắp, loại có chân, kích thước 540 x 253 x 75 mm	Cái	1
46	Nhãn chỉ thị, bằng giấy, màu trắng, thêm vào bên phải, kích thước 39.5 x 68 mm, hộp 1000 cái	Chiếc	1
47	Seal niêm phong hộp hấp để nhận biết, chất liệu nhựa, có chỉ thị màu, màu xanh, hộp 1000 cái	Chiếc	1
48	Kẹp gấp bông băng Forster-Ballenger, thẳng, ngàm trơn, dài 250 mm	Cái	10

CÔNG TY.....
 MÃ SỐ THUẾ:
 ĐỊA CHỈ:
 EMAIL:.....
 SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam

Địa chỉ: 46 Lý Thường Kiệt - phường Bàn Thạch - thành phố Đà Nẵng

Theo Quyết định số/QĐ-BVPSNQN của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ												
	TT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Chi phí các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Đặc tính kỹ thuật	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực 360 ngày kể từ ngày 18/8/2026.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Trong trường hợp có sai sót chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

.....ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)